TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS-PT
Ngày: 12-5-2020
"V/v tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05/5/2020 và ngày 12/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 61/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 113/TB-TA ngày 14 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 100/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Ngọc D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: A, tổ B, ấp C, xã M.L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phạm Kiều L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: D, tổ E, ấp G, xã M.L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chị Phạm Kiều L (Là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Võ Ngọc D trình bày:

Vào các ngày 10/11/2010, ngày 07/12/2012, ngày 15/01/2013 và ngày 30/11/2014, chị L có vay của chị D số tiền tổng cộng là 78.000.000 đồng để trả nợ vật tư cho chị Thủy K và để buôn bán (có làm biên nhận), có thỏa thuận lãi suất (thỏa thuận miệng). Chị D đòi tiền nhiều lần nhưng chị L không trả. Nay chị Võ Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Kiều L trả cho chị D số tiền vốn gốc là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm chị D yêu cầu đòi lại tài sản, yêu cầu chị L trả cho chị D số tiền là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn bà Phạm Kiều L trình bày:

Chị L thừa nhận chỉ vay của chị D 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/12/2010 do chị L cung cấp, chị L đồng ý còn thiếu chị D 21.500.000 đồng bao gồm tiền vốn và lãi, chị L đã trả được 12.750.000 đồng; chị L chỉ còn thiếu chị D số tiền là 8.750.000đồng. Chị L không thừa nhận thiếu tiền chị D đối với các biên nhận ngày 10/11/2010, ngày 07/12/2012, ngày 15/01/2013 và ngày 30/11/2014 do chị D cung cấp. Tuy nhiên, chị L thừa nhận chữ viết Phạm Kiều L trên các biên nhận trên là do chị L viết ra, do chị D cầm dao đe dọa ép chị L nên chị L viết, nhưng chị L không có ký tên vào biên nhận. Chị L không đồng ý trả số tiền 78.000.000 đồng theo yêu cầu của chị D. Chị L chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền là 21.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/ƯBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Võ Ngọc D.

- Buộc chị Phạm Kiều L phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Ngọc D số tiền còn thiếu là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.900.000 đồng, chị Phạm Kiều L phải chịu.

+ Chị Võ Ngọc D không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 đồng theo biên lai số 0006640 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, bị đơn chị Phạm Kiều L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn chị Phạm Kiều L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn chị Võ Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Phạm Kiều L, sửa bản án sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh số tiền lãi mà chị L đã đóng trừ vào số tiền vốn 78.000.000 đồng mà chị L nợ chị D. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm Kiều L không thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và chị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị D về việc yêu cầu chị L trả cho chị D số tiền 78.000.000 đồng, chị L chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền vốn gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi là 11.500.000 đồng (tổng cộng là 21.500.000 đồng), vì chị L cho rằng không có vay khoản tiền trên của chị D.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày của chị L là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần kháng cáo của chị L, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thì chị L đều thừa nhận các biên nhận vay tiền ngày 10/11/2010, ngày 10/11/2010, ngày 07/12/2012, ngày 15/01/2013 và ngày 30/11/2014 trên là do chị L trực tiếp viết họ tên Phạm Kiều L để vay số tiền tổng cộng 78.000.000 đồng trên của chị D. Cụ thể: biên nhận ngày 10/11/2010 vay 10.000.000 đồng, biên nhận ngày 10/11/2010 vay 10.000.000 đồng, biên nhận ngày 07/12/2012 vay 17.000.000 đồng, biên nhận ngày 15/01/2013 vay 21.000.000 đồng và biên nhận ngày 30/11/2014 vay 20.000.000 đồng. Căn cứ vào các biên nhận trên cho thấy chị L có vay của chị D số tiền tổng cộng 78.000.000 đồng là hoàn toàn đúng sự thật và có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị D trình bày thừa nhận trong các khoản vay 20.000.000 đồng và 17.000.000 đồng từ ngày 10/11/1010 đến ngày 15/01/2013 thì chị D có lấy lãi 3% của chị L với số tiền là 16.110.000 đồng. Cụ thể chị L có đóng lãi cho chị D như sau:

- Từ ngày 10/11/1010 đến tháng 12/2012 là 25 tháng x mức lãi 3%/tháng x 20.000.000 đồng vốn = 15.000.000 đồng lãi.

- Từ ngày 07/12/2012 đến tháng 01/2013 là 01 tháng x mức lãi 3%/tháng x 37.000.000 đồng vốn = 1.110.000 đồng lãi.

Như vậy, từ ngày 10/11/1010 đến ngày 15/01/2013 chị D có lấy lãi 3% của chị L với số tiền là 16.110.000 đồng (15.000.000 đồng lãi + 1.110.000 đồng lãi = 16.110.000 đồng) là vượt quá mức lãi do Nhà nước quy định. Do đó, cần phải điều chỉnh lại số tiền lãi cho đúng theo quy định và mức lãi theo quy định được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 10/11/1010 đến tháng 12/2012 là 25 tháng x mức lãi 1.125%/tháng (mức lãi suất theo quy định) x 20.000.000 đồng vốn = 5.625.000.000 đồng lãi.

- Từ ngày 07/12/2012 đến tháng 01/2013 là 01 tháng x mức lãi 1.125%/tháng (mức lãi suất theo quy định) x 37.000.000 đồng vốn = 416.250 đồng lãi (làm tròn 416.000 đồng).

Như vậy, đối với số tiền vốn 20.000.000 đồng từ ngày 10/11/1010 đến tháng 12/2012 được tính lãi theo quy định là 5.625.000.000 đồng và đối với số tiền vốn 37.000.000 đồng từ ngày 07/12/2012 đến tháng ngày 15/01/2013 được tính lãi theo quy định là 416.000đồng (5.625.000.000 đồng lãi + 416.000 đồng lãi = 6.041.000 đồng lãi).

Do đó, cần phải điều chỉnh mức lãi suất cho đúng theo quy định cụ thể như sau: 16.110.000 đồng (lãi vượt quá mức quy định) - 6.041.000 đồng (lãi suất theo quy định) = 10.069.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi 10.069.000 đồng mà chị L đã đóng cho chị D là vượt quá mức lãi theo quy định sẽ được trừ vào số tiền vốn 78.000.000 đồng mà chị L nợ chị D và chị L còn phải trả cho chị D số tiền vốn gốc là 67.931.000 đồng (78.000.000 đồng - 10.069.000 đồng = 67.931.000 đồng).

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền vốn 67.931.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L trình bày cho rằng chị L chỉ có ký tên vào biên nhận ngày 21/12/2014 để vay số tiền 10.000.000 đồng của chị D, các biên nhận còn lại do bà D cung cấp thì chị L không có ký tên vay mà do chị D ép buộc chị L viết họ tên Phạm Kiều L vào các biên nhận trên, chứ thật chất chị L không có ký tên vào các biên nhận trên để vay số tiền 78.000.000 đồng trên của bà D. Xét qua lời trình bày trên của chị L là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm thì chị L không có chứng cứ gì để chứng minh là chị D đã có hành vi đe dọa, ép buộc chị L ký tên và viết họ tên Phạm Kiều L vào các biên nhận vay tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày trên của chị L.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Phạm Kiều L, đồng thời sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[8] Về án phí:

- Chị Phạm Kiều L bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Chị Võ Ngọc D không được chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền 10.069.000 đồng nên chị D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

- Do chị Phạm Kiều L được chấp nhận một phần kháng cáo và Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên chị Phạm Kiều L không phải chịu án phi dân sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 166 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Phạm Kiều L.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Ngọc D.

4. Buộc chị Phạm Kiều L phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Ngọc D số tiền vốn gốc là 67.931.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Chị Phạm Kiều L phải có nghĩa vụ nộp 3.397.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Chị Võ Ngọc D phải chịu 503.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.950.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006640 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho chị Võ Ngọc D số tiền 1.446.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

7.3. Chị Phạm Kiều L không phải chịu án dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Kiều L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003703 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao